

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 08/2020/DS-ST.

Ngày: 11/3/2020.

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Phi Đ**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Tân Lộc, xã TT, huyện TH, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: - Ông **Huỳnh Văn Đ1**, sinh năm 1972.

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: khu phố Sơn Tiên, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Anh Phi Đ và ông Đ1 có mặt, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2019 nguyên đơn anh Nguyễn Phi Đ trình bày như sau:*

Trước đây do chỗ bà con quen biết nên anh Nguyễn Phi Đ có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M vay tiền nhiều lần. Đến ngày 31/3/2019 các bên làm biên nhận nợ để tổng kết nợ với nhau, theo đó ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M còn nợ lại anh Phi Đ số tiền gốc là 305.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận ngày 31 hàng tháng vợ chồng ông Đ1 và bà M phải trả cho anh Phi Đ số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay phía vợ chồng ông Đ1 chỉ mới trả được cho anh Phi Đ số tiền gốc là 96.000.000 đồng, số tiền còn lại là 209.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Do vợ chồng ông Đ1, bà M không thực hiện đúng như thỏa thuận và số nợ trên cũng đã lâu nên anh Phi Đ yêu cầu ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải trả cho anh số tiền vay gốc là 209.000.000 đồng, anh Phi Đ không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Tại biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn Đ1 trình bày như sau:*

Tôi thừa nhận trước đây vợ chồng tôi có vay tiền nhiều lần của anh Nguyễn Phi Đ là đúng, đến ngày 31/3/2019 vợ chồng và anh Phi Đ có làm biên nhận nợ để tổng kết nợ với nhau, theo đó vợ chồng tôi còn nợ lại anh Phi Đ số tiền vay gốc là 305.000.000 đồng, nhưng sau đó chúng tôi đã trả cho anh Phi Đ được số tiền là 96.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền là 209.000.000 đồng. Phần tiền còn lại này thì đến nay chúng tôi chưa trả được nhưng vẫn đóng lãi hàng tháng cho anh Phi Đ nhưng không có làm biên nhận cho việc đóng lãi này. Nay anh Phi Đ yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền còn nợ là 209.000.000 đồng thì chúng tôi cũng đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi tháng số tiền là 7.000.000 đồng đến khi trả xong số nợ này. Việc vay mượn số tiền này về mục đích là để nuôi gà bán và sinh hoạt trong gia đình. Do hoàn cảnh hiện tại khó khăn nên tôi không có Đ1 kiện trả nợ cho anh Phi Đ một lần.

** Tại biên bản ghi khai ngày 21/02/2020 bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày như sau:*

Tôi là vợ của ông Huỳnh Văn Đ1, sự việc vay tiền giữa ông Đ1 với anh Phi Đ như thế nào thì tôi không biết. Sự việc khi cả hai tổng kết nợ với nhau thì tôi có ký tên vào biên nhận nợ ngày 31/3/2019 là đúng.

Nay phía anh Nguyễn Phi Đ yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền vay gốc là 209.000.000 đồng thì vợ chồng tôi cũng đồng ý trả số nợ này. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng tôi xin được trả dần hàng tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ này. Đồng thời tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi vì tôi không có thời gian tham dự tòa. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Phi Đ số tiền vay gốc còn nợ là 209.000.000 đồng. Đồng thời buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn anh Trần Phi Đ với bị đơn ông Huỳnh Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Ngọc M. Căn cứ vào Đ1 26, điểm a khoản 1 Đ1 35, điểm a khoản 1 Đ1 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Đ1 227 và Đ1 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Theo lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cho thấy trước đây anh Nguyễn Phi Đ có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M vay tiền nhiều lần. Tổng cộng số tiền qua các lần vay là 305.000.000 đồng, phía vợ chồng ông Đ1, bà M đã trả được số tiền 96.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 209.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Việc vay tiền các bên có tổng kết nợ với nhau vào ngày 31/3/2019 là đúng sự thật và các bên không có tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, anh Phi Đ yêu cầu vợ chồng ông Đ1, bà M phải trả cho anh số tiền vay gốc còn nợ là 209.000.000 đồng, anh Phi Đ không yêu cầu tính lãi trên số tiền vay trên.

Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phi Đ là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bởi lẽ theo quy định tại Đ1 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M cũng thừa nhận hiện tại ông bà còn nợ anh Phi Đ số tiền vay gốc là 209.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng xin được trả dần mỗi tháng số tiền là 7.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên do hoàn cảnh hiện tại quá khó khăn.

Xét yêu cầu xin được trả dần của phía đồng bị đơn ông Đ1, bà M. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định “...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên

có nghĩa vụ thi hành ...”. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX không xem xét.

Từ những lập luận và viện dẫn nêu trên; xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phi Đ là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận. Do đó buộc ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải trả cho anh Nguyễn Phi Đ số tiền vay gốc còn nợ là 209.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc ông Huỳnh Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Phi Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.225.000 đồng theo biên lai thu số 0009120 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Đ1 26, điểm a khoản 1 Đ1 35, điểm a khoản 1 Đ1 39, Đ1 227, Đ1 228, Đ1 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Đ1 463, Đ1 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phi Đ. Buộc ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải trả cho anh Nguyễn Phi Đ số tiền vay gốc là 209.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Đ1 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Buộc ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.450.000 đồng (Mười triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho anh Nguyễn Phi Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.225.000 đồng theo biên lai thu số 0009120 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ1 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ1 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ1 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An